

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Thành

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/2/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn L C 3, xã Th L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và Chị L tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th L ngày 25/11/1997. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống hạnh phúc được khoảng thời gian

hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, bất hoà, không tìm được tiếng nói chung. Anh xác định anh không còn tình cảm với Chị L. Vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với Chị L, anh làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn Chị L.

Về con chung: Anh và Chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008. Hiện cháu Huế đã trưởng thành không đề nghị giải quyết, cháu M đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn anh đề nghị cháu M theo nguyện vọng của cháu và ý kiến của Chị L con chung cho Chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên. Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn Chị L trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như Anh H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, Anh H chơi bời và nghe theo gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Chị xác định vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Quan điểm của chị khi Anh H làm đơn xin ly hôn là việc của Anh H, Chị L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như Anh H trình bày. Quan điểm của chị khi vợ chồng ly hôn, con lớn là cháu Huế đã trưởng thành không đề nghị giải quyết, cháu M đang ở cùng chị, có nguyện vọng ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị trình bày có tài sản chung được giải thích về quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, được Tòa án tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của gia đình Chị L: Xác định trong quá trình chung sống vợ chồng Chị L có mâu thuẫn, xung đột, xô sát. Vợ chồng đã sống ly thân vài năm nay. Gia đình nhận thay văn bản tố tụng cho Chị L, Chị L vẫn giữ quan điểm nhất trí ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, anh chị không có công sức đóng góp gia đình nhà Chị L. Quan điểm của gia đình khi Anh H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của cán bộ thôn, đại diện chính quyền địa phương: Địa phương nơi anh chị chung sống xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn,

hai bên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Nay Anh H xin ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà: ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:***

- **Về việc tuân theo pháp luật:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H, Chị L trong quá trình tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử Anh Nguyễn Văn H và Chị Nguyễn Thị L ly hôn; về con chung: Con chung Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008 cho Chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của Chị L. Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H, Chị L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh H và ý kiến của Chị L, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, xô sát. Vợ chồng sống ly thân khoảng vài năm nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh H xin ly hôn, Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Anh H, Chị L đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh H, xử cho Anh H ly hôn Chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H, Chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008. Khi ly hôn Anh H, Chị L đều nhất trí Chị L tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008, Chị L tự nguyện không yêu cầu Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con, cháu Huế đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Mặt khác cháu M có nguyện vọng ở với mẹ, hiện đang ở cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của Chị L.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh H, Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Anh Nguyễn Văn H ly hôn Chị Nguyễn Thị L.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/1/2008 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của Chị L.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005927 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh Lang, H. Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng